

Bản án số: 122/2024/DS-PT
Ngày: 14 - 3 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thuý Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952.

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn Thới Bình, Cà Mau ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Luật sư Mai Thiên T1 là Luật sư của Văn phòng luật sư Mai Thiên T1, Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Lê Hồng K1, sinh năm 1980 (có mặt);

Người đại diện hợp pháp của chị K1: Anh Kim Chan Đa R, sinh năm 1987, văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 4 năm 2021 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Thanh B1 (vắng mặt)
- Ông Lê Hoàng D1 (vắng mặt)
- Ông Lê Xuân D2 (vắng mặt)
- Ông Đinh Văn K2 (vắng mặt)
- Ông Đinh Văn L (vắng mặt)
- Ông Đinh Văn T2 (vắng mặt)
- Ông Đinh Văn H2 (vắng mặt)
- Ông Đinh Văn N1 (vắng mặt)
- Ông Lê Tấn P1, sinh năm 1969 (vắng mặt)
- Ông Lê Huy T3, sinh năm 1999 (vắng mặt)

11. Bà Lê Mỹ T4, sinh năm 1967 (vắng mặt)
12. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1951 (vắng mặt)
13. Ông Lê Ngọc T5, sinh năm 1976 (vắng mặt)
14. Bà Lê Bích T6, sinh năm 1980 (vắng mặt)
15. Bà Nguyễn Thị U (vắng mặt)
16. Ông Nguyễn Duy P2, sinh năm 1992 (vắng mặt)
17. Ông Lê Văn T7, sinh năm 1982 (vắng mặt)
18. Anh Lê Trọng P3, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn Thới Bình, Cà Mau ..

19. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là Agribank), địa chỉ: Số 02 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Agribank: Ông Phạm Anh Cường – Phó giám đốc chi nhánh Thới Bình là người đại diện theo ủy quyền của Agribank, văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019, địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Thới Bình, Cà Mau. (vắng mặt)

20. Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình (gọi tắt là UBND huyện Thới Bình)

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Thới Bình: Ông Nguyễn Hoàng Anh là người đại diện theo ủy quyền UBND huyện Thới Bình, văn bản ủy quyền ngày 31/8/2023, địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Thới Bình, Cà Mau. (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Chị Lê Hồng K1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và lợi ích hợp pháp trình bày:

Năm 1980, bà Trần Mỹ Hội là mẹ chồng của bà M có cho bà M và ông Lê Văn Tài phần đất chiều ngang 09 tấc (tấc 3 mét), dài 40 tấc đất tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, thuộc hai thửa 360 và 361.

Sau khi được cho đất, vợ chồng ông Tài canh tác và cất nhà ở trên đất thuộc thửa số 360. Đến năm 1993, ông Tài bị bệnh nặng chết nên chưa đi làm quyền sử dụng đất nhưng có đăng ký kê khai trong sổ mục kê và bản đồ địa chính thể hiện tên ông Tài đứng tên.

Ngoài ra, bà Hội còn cho đất ông Lê Thái Hòa (em ruột ông Tài) gồm: đất vườn thửa 358, diện tích 1.920m² và đất ruộng thửa 396, diện tích 9.270m² tại khóm 4, thị trấn Thới Bình; vị trí các phần đất này liền kề với phần đất cho ông Tài; bà Hội không có cho ông Tài phần đất trồng lá.

Năm 1993, vợ chồng ông Tài cho vợ chồng ông Hòa, bà Nhứt mượn phần đất thuộc 361 để canh tác. Việc cho mượn đất chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ vì tin tưởng là anh em ruột với nhau.

Nay bà M yêu cầu chị K1 giao trả phần đất tranh chấp theo bảng vẽ hiện trạng ngày 15/6/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên và Thương mại gỗ Tân Thành phần phía trên lộ bê tông có thửa giả định là 1 với

diện tích 1021,2m² (trừ khu mộ diện tích 120,6m²) và thửa số 3 diện tích 1358,9m² Thửa số 2 diện tích 315,2m² bà tự nguyện giao cho chị K1 tiếp tục quản lý, sử dụng và hỗ trợ cho chị K1 số tiền 5.000.000 đồng do chị K1 đang nuôi thủy sản trên đất tranh chấp. Phần phía dưới lộ bê tông có thửa giả định là 4, 5, 6, 7 do chị K1 xác định không có liên quan đến chị K1 nên bà M xin rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết, các phần đất tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- *Chị Lê Hồng K1 và người đại diện trình bày:* Chị K1 xác định không có sự việc bà Nhứt cho bà M một nửa diện tích đất tranh chấp.

Đối với thửa 360 (theo bảng vẽ hiện trạng ngày 15/6/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài nguyên và thương mại gỗ Tân Thành phần phía trên lộ bê tông có thửa giả định là 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13) chị K1 không có quản lý, sử dụng, không có quyền lợi, liên quan. Các thửa đất này thuộc quyền quản lý của Nhà nước nên chị K1 không có tranh chấp với bà M. Chị K1 chỉ tranh chấp với bà M phần đất thuộc thửa 361 là phần đất vườn (theo bảng vẽ hiện trạng ngày 15/6/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên và Thương mại gỗ Tân Thành phần phía trên lộ bê tông có thửa giả định là 1, 2, 3, trong đó thửa 1, 2 theo chị K1 nhận định thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thái Hòa.

Thửa 361 do bà Hội canh tác, sử dụng. Sau đó, bà Hội cho ông Hòa và ông Hòa giao lại cho chị K1 canh tác liên tục đến nay. Ông Tài không có canh tác thửa đất này vì ông Hòa ở chung với bà Hội, không phải ông Tài. Ông Hòa cũng là người có công khai hoang phần đất trên.

Sau khi bà Hội phân chia đất cho ông Tài thì vợ chồng ông Tài, bà M không canh tác đất mà bỏ hoang đất nên ông Tài cho ông Hòa nhưng không có sự thống nhất của bà M nên bà M đòi lại đất và ông Hòa đã trả lại đất cho bà M trước tháng 7/1995 đối với phần đất thuộc thửa 361. Sau khi ông Hòa trả đất thì bên phía bà M cũng không canh tác đất. Năm 1995, Nhà nước có thu hồi một phần đất của bà Hội giáp Sông Trẹm (không biết số thửa) và Nhà nước có hỗ trợ cho bà Hội một nền nhà tái định cư, có vị trí: Mặt tiền giáp Sông Trẹm; mặt hậu giáp kênh xáng; cạnh phải giáp đất ông Bên; cạnh trái giáp đất bà M. Sau đó giữa bà M và ông Hòa thỏa thuận đổi nền đất này với thửa 361, đôi bên có làm văn bản “Tờ đổi đất lập ngày 30/7/1995”, được Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình xác nhận ngày 02/5/1996. Sau khi đổi đất thì bà M quản lý nền đất diện tích 810m², còn ông Hòa nhận quản lý phần đất thuộc thửa 361 diện tích khoảng 1.000m². Vào thời điểm đổi đất các bên đều biết sự chênh lệch diện tích đất nhưng các bên không đặt ra yêu cầu bù trừ nghĩa vụ với nhau. Ông Hòa tiếp tục cải tạo, đầu tư trên đất và sử dụng ổn định đất sau khi đổi đất. Năm 2004, ông Hòa có đi đăng ký, kê khai xin cấp quyền sử dụng đất, bà M có ký xác nhận vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất cho ông Hòa, nhưng sau đó bà M đổi ý không tiếp tục đổi đất nữa và bà M đòi lại đất, vì vậy cán bộ địa chính cho rằng đất đang tranh chấp nên không làm quyền sử dụng đất cho ông Hòa. Phần đất hoán đổi giữa bà M và ông Hòa chính là phần đất của bà M

đang cất nhà ở hiện nay tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ông Hòa chết ngày 26/10/2010, bà Nhứt chết ngày 27/6/2013. Bà Nhứt và ông Hòa có 03 người con ruột là Lê Hoàng D1, Lê Xuân D2, Lê Hồng K1.

Phần đất tranh chấp do bản thân chị K1 quản lý, sử dụng không liên quan người khác. Trên đất tranh chấp có căn nhà của chị K1 đang ở cùng con gái nhỏ đang là học sinh, sống phụ thuộc vào chị K1, mọi quyết định liên quan tới phần đất tranh chấp và tài sản gắn liền với phần đất tranh chấp là do chị K1 quyết định. Con của chị không có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Chị K1 không đồng ý giao trả phần đất thuộc thửa 361 theo yêu cầu của bà M, vì chị K1 đã sử dụng ổn định phần đất này. Trường hợp Tòa án có chấp nhận yêu cầu của bà M thì việc chị K1 có đào mương nuôi thủy sản chị K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị K1 chỉ phản bác lại ý kiến của bà M, không có yêu cầu phản tố nên chị rút lại yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho chị K1 phần diện tích thuộc thửa 361, diện tích khoảng 1.000m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:119/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu chị Lê Hồng K1 trả đất. Buộc chị Lê Hồng K1 giao trả cho bà Nguyễn Thị M phần đất có vị trí, kích thước và diện tích như sau (có bản vẽ hiện trạng kèm theo):

Phần đất phía trên đường bê tông (thửa 1): Có vị trí, diện tích theo đo đạc thực tế như sau: Thửa số 1 thuộc các mốc M1, M2, M27, M28, M29, M30 diện tích 1021,2m² (giữ y vị trí khu mộ diện tích 120,6m²). Thửa số 3 thuộc các mốc M24, M25, M26, M27, M29, M30, M31 diện tích 1358,9m².

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị M giao cho chị Lê Hồng K1 tiếp tục thửa số 2 là phần đất thuộc khu vực nhà ở của chị K1 có vị trí: Mặt tiền giáp đường bê tông mốc M3, M31 dài 9.58m; mặt hậu giáp phần đất tranh chấp (thửa 1) mốc M2, M30 dài 8.95m; cạnh phải (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất của chị Lê Hồng K1 mốc M2, M3 dài 34.37m, cạnh trái (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất tranh chấp (thửa 3) mốc M30, M31 dài 33,72m, diện tích 315.2m².

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với các thửa đất số 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc hỗ trợ cho chị K1 số tiền 5.000.000 đồng.

5. Thành quả lao động trên phần đất tranh chấp: Chị K1 có đào mương nuôi thủy sản chị K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Hiện chị K1 đang nuôi thủy sản nên gia hạn cho chị K1 trong thời hạn 03 tháng (kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật) để thu hoạch giao đất lại cho bà M.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/10/2023, chị Lê Hồng K1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Giữ nguyên phần đất tranh chấp cho chị sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện của chị K1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phần tranh luận:

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đưa ra các căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về chi phí tố tụng do đo đạc toàn bộ phần đất nên chi phí tăng cao nay nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng là không phù hợp.

Luật sư tranh luận bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Đưa ra các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên kiến nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm. Đối với chi phí tố tụng nguyên đơn đồng ý chịu ½ với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, chia đôi phần chi phí tố tụng, các phần khác giữ y. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà M khởi kiện yêu cầu chị K1 giao trả lại phần đất do bà Hội tặng cho bà M và ông Lê Văn Tài, phần đất chiều ngang 09 tầm, dài 40 tầm tại khóm 4, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Chị K1 không đồng ý giao trả phần đất. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của chị K1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc phần đất là của cụ Trần Mỹ Hội (là mẹ chồng của bà M, là bà nội của chị K1) cho ông Lê Văn Tài (chồng của bà M) và bà M. Theo “tờ di chúc chia đất cho con” có chứng thực của ban nhân dân ấp 4 ngày 21/7/1987, thị trấn Thới Bình và xác nhận của UBND thị trấn Thới Bình ngày 25/7/1987, thể hiện: Bà Hội cho ông Tài phần đất chiều ngang 09 tầm, chiều dài 40 tầm, có cạnh phía “nam giáp ông Vũ Bình”. Ngoài ra tại tờ di chúc còn thể hiện cho Lê Thái Hoà (là cha chị K1) ngang 05 tầm, dài 18 tầm; cho ông Lê Công Tâm (chồng bà Nguyệt) ngang 11 tầm, dài 21 tầm.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện:

[3.1] Phần đất tranh chấp có các cạnh tiếp giáp theo bảng vẽ hiện trạng ngày 15/6/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên và Thương mại gỗ Tân Thành thì phần đất tranh chấp giữa bà M với chị K1 có hai phần:

Phần đất phía trên đường bê tông (thửa 1,2,3) và Phần đất phía dưới đường bê tông: Khi đo đạc chị K1 xác định tranh chấp với bà M thửa số 4: Mốc M22, M23, M32, M35 diện tích 48,1m².

[3.2] Tại phiên tòa chị K1 xác định chỉ tranh chấp với bà M phần đất thuộc thửa 361 là phần đất vườn (theo bảng vẽ hiện trạng ngày 15/6/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài nguyên và thương mại gỗ Tân Thành phần phía trên lộ bê tông có thửa giả định là 1, 2, 3, trong đó thửa 1, 2 theo chị K1 nhận định thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thái Hòa. Đối với thửa 360 (theo bảng vẽ hiện trạng ngày 15/6/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài nguyên và thương mại gỗ Tân Thành phần phía trên lộ bê tông có thửa giả định là 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13) chị K1 không có quản lý, sử dụng, không có quyền lợi, liên quan gì; các thửa đất này thuộc quyền quản lý của Nhà nước nên chị K1 không có tranh chấp với bà M. Do đó, bà M tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với các thửa đất không tranh chấp là 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của bà M.

[3.3] Theo biên bản hòa giải ngày 23/6/2023 (BL35,36) bà M, chị K1 đều xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Trần Mỹ Hội cho ông Lê Văn Tài (chồng của bà M). Theo “tờ di chúc chia đất cho con” có chứng thực của ban nhân dân ấp 4 ngày 21/7/1987, thị trấn Thới Bình và xác nhận của UBND thị trấn Thới Bình ngày 25/7/1987 thể hiện: Bà Hội cho ông Tài phần đất chiều ngang 09 tằm (tằm 3m), chiều dài 40 tằm, có cạnh phía “nam giáp ông Vũ Bình”.

Chị K1 xác định sau khi được bà Hội cho đất, ông Tài không sử dụng đất mà cho lại ông Lê Thái Hòa (cha ruột chị K1), việc tặng cho đất không có giấy tờ, bà M không thống nhất nên bà M đòi lại đất, ông Hòa đã trả lại đất cho bà M trước tháng 7/1995 là thuộc thửa 361 (tờ bản đồ 299).

[4] Theo chị K1 xác định năm 1995, Nhà nước có thu hồi một phần đất của bà Hội giáp Sông Trẹm, có hỗ trợ cho bà Hội một nền nhà tái định cư, có vị trí: Mặt tiền giáp Sông Trẹm; mặt hậu giáp kênh xáng; cạnh phải giáp đất ông Bên; cạnh trái giáp đất bà M. Đến ngày 30/7/1995, giữa bà M và ông Hòa có lập “Tờ đổi đất” (có xác nhận của UBND thị trấn Thới Bình ngày 02/5/1996) theo đó ông Hòa giao nền đất của bà Hội cho bà M còn bà M giao toàn bộ thửa đất 361 cho ông Hòa. Sau khi đổi đất thì bà M quản lý nền đất diện tích 810m² (ngay căn nhà bà M đang ở hiện nay), còn ông Hòa nhận quản lý phần đất thuộc thửa 361 diện tích khoảng 1.000m² (là phần đất chị K1 đang ở hiện nay). Bà M xác định bà không có đổi đất với ông Hòa, chữ ký trong “Tờ đổi đất ngày 30/7/1995” không phải của bà.

[4.1] Xét việc chị K1 trình bày có việc đổi đất thấy rằng: bà M đang quản lý phần đất 240m² là căn nhà bà M đang ở, tại hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho bà M thể hiện bà M nhận chuyển nhượng phần đất trên từ nhà nước và diện tích là 240m². Phần đất có vị trí tứ cận trong hồ sơ cấp đất phù hợp với vị trí tứ cận hiện tại nên xác định đây là phần đất bà M nhận chuyển nhượng từ Nhà Nước không phải diện tích 810m² như chị K1 trình bày.

[4.2] Tại bản án số 151 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết tranh chấp giữa bà Nguyễn Minh Nguyệt (vợ ông Tâm) và ông Lê Thái Hoà, tại bản án có thể hiện phần đất bị thu hồi để làm khu tiểu thủ công nghiệp và nhà nước có bồi thường cho bà Hội một nền nhà, nền nhà trên đã được ông Hoà nhận và chuyển nhượng cho ông Cho.

Hơn nữa, tại giấy đổi đất bà M không thừa nhận chữ ký trong giấy đổi đất trên nhưng nội dung trong giấy đổi đất là đổi cho bà M 810m² và bà M giao lại cho ông Hoà 1.000m² nhưng thực tế các đương sự đều thừa nhận bà M, ông Tài được cụ Hội cho phần đất ngang 27m dài 120m, tổng diện tích là 3.240m². Nếu có việc đổi đất thì đổi 1.000m² phần đất còn lại của bà M là 2.240m² và phần đất 810m² đã đổi nhưng thực tế bà M chỉ quản lý 240m².

[4.3] Do đó, có căn cứ để xác định không có việc hoán đổi đất từ ông Hoà và bà M mà phần đất bà M được cụ Hội tặng cho trước đây, bà M đã cho ông Hoà mượn để canh tác. Sau đó, ông Hoà giao lại cho chị K1 nên án sơ thẩm buộc chị K1 giao trả lại phần đất trên cho bà M là có căn cứ.

[5] Chị K1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị K1. Tại phiên toà phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích của bà M đồng ý chịu một nửa phần chi phí tố tụng theo yêu cầu của bị đơn với tổng số tiền 19.011.000 đồng, trong đó chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 7.011.000 đồng và định giá tài sản số tiền 12.000.000 đồng. (mười chín triệu không trăm mười một nghìn đồng). Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị K1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do chị K1 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí có xác nhận của chính quyền địa phương nên được xem xét giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho chị K1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Hồng K1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2023/DSST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu chị Lê Hồng K1 trả đất.

Buộc chị Lê Hồng K1 giao trả cho bà Nguyễn Thị M phần đất có vị trí, kích thước và diện tích như sau (có bản vẽ hiện trạng ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường gỗ Tân Thành kèm theo).

Phần đất phía trên đường bê tông (thửa 1): Có vị trí, diện tích theo đo đạc thực tế như sau: Thửa số 1 thuộc các mốc M1, M2, M27, M28, M29, M30 diện tích 1021,2m² (giữ y vị trí khu mộ diện tích 120,6m²). Thửa số 3 thuộc các mốc M24, M25, M26, M27, M29, M30, M31 diện tích 1358,9m².

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị M giao cho chị Lê Hồng K1 tiếp tục quản lý, sử dụng thửa số 2 là phần đất thuộc khu vực nhà ở của chị K1 có vị trí: Mặt tiền giáp đường bê tông mốc M3, M31 dài 9.58m; mặt hậu giáp phần đất tranh chấp (thửa 1) mốc M2, M30 dài 8.95m; cạnh phải (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất của chị Lê Hồng K1 mốc M2, M3 dài 34.37m, cạnh trái (nhìn từ mặt tiền) giáp phần đất tranh chấp (thửa 3) mốc M30, M31 dài 33,72m, diện tích 315.2m².

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với các thửa đất số 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc hỗ trợ cho chị K1 số tiền 5.000.000 đồng.

5. Các vấn đề khác:

Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M và chị Lê Hồng K1 mỗi người phải chịu 9.505.500 đồng. Do bà M đã nộp xong khoản tiền này nên chị K1 phải trả lại cho bà M 9.505.500 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Án phí sơ thẩm: Chị K1 phải chịu số tiền là 2.542.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng). Bà M không phải chịu, đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Án phí phúc thẩm chi K1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 11/10/2023, chị Lê Hồng K1 đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (lai thu số 0003904) tại chi cục thi hành án huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào